Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 585 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 06 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi bổ sung Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và UBND cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT- VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ,

kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BNN-VP ngày 25/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần; Danh mục dịch vụ công thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 906/TTr-SNN ngày 27/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa như sau:

a) Bổ sung dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 26 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

b) Sửa đổi dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 03 dịch vụ công trực tuyến từ một phần sang toàn trình.

c) Bổ sung dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 01 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

d) Bổ sung dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 05 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến, hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm cập nhật các dịch vụ công trực tuyến toàn trình lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành

chính của tỉnh; tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Danh mục lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

(Đính kèm Phụ lục Danh mục)./.

Nơi nhận (VBĐT):
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, TT. UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Cổng TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐL, LH, TNT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuân

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
1.	1.	1.004509.000.00.00.H32	012.01.006	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023
2.	2.	1.008129.000.00.00.H32	012.02.002	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3.	3.	1.008127.000.00.00.H32	012.02.004	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4.	4.	1.009478.000.00.00.H32	012.15.001	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Khoa học Công nghệ và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5.	5.	1.003524.000.00.00.H32	012.03.008	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6.	6.	1.003618.000.00.00.H32	012.05.001	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương cấp tỉnh	Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
7.	7.	1.003388.000.00.00.H32	012.05.004	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	của Chủ tịch UBND tỉnh
8.	8.	1.003371.000.00.00.H32	012.05.005	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
9.	9.	2.001838.000.00.00.H32	012.08.006	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10.	10.	1.004839.000.00.00.H32	012.10.016	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sửa đổi DVCTT số thứ tự 10, khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh (từ DVCTT một phần thành DVCTT toàn trình)
11.	11.	1.004022.000.00.00.H32	012.10.012	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
12.	12.	1.011479.000.00.00.H32	012.10.018	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
13.	13.	1.011477.000.00.00.H32	012.10.017	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
14.	14.	2.001795.000.00.00.H32	012.11.024	Cấp Giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
15.	15.	2.001793.000.00.00.H32	012.11.021	Cấp Giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
16.	16.	1.004385.000.00.00.H32	012.11.023	Cấp Giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
17.	17.	1.003921.000.00.00.H32	012.11.015	Cấp lại Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
18.	18.	1.003893.000.00.00.H32	012.11.016	Cấp lại Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ Giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
19.	19.	2.001401.000.00.00.H32	012.11.027	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
20.	20.	1.004684.000.00.00.H32	012.12.003.1	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) - Trường hợp cấp mới.	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
21.		1.004684.000.00.00.H32	012.12.003.2	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) - Trường hợp cấp lại.	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
22.	21.	1.003586.000.00.00.H32	012.12.012	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
23.	22.	1.004344.000.00.00.H32	012.12.008	Cấp Văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sửa đổi DVCTT số thứ tự 15, khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh (từ DVCTT một phần thành DVCTT toàn trình)

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
24.	23.	1.004692.000.00.00.H32	012.12.005	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sửa đổi DVCTT số thứ tự 21, khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh (từ DVCTT một phần thành DVCTT toàn trình)
25.	24.	1.012075.000.00.00.H32	012.13.03	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
26.	25.	1.012074.000.00.00.H32	012.13.04	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
27.	26.	1.012004.000.00.00.H32	012.13.05	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
28.	27.	1.012003.000.00.00.H32	012.13.06	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
29.	28.	1.012000.000.00.00.H32	012.13.07	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
30.	29.	1.011999.000.00.00.H32	012.13.08	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 10, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

II. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
01	01	1.003605.000.00.00.H32	012.05.002	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương cấp huyện	Nông nghiệp	UBND cấp huyện	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 18, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

III. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT quy trình	STT DVC TT	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên dịch vụ công trực tuyến	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Ghi chú
01	01	1.008838.000.00.00.H32	012.15.002	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Khoa học công nghệ và môi trường	UBND cấp xã	Bổ sung thêm DVCTT toàn trình tại khoản 19, Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
02	02	1.003596.000.00.00.H32	012.05.003	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp	UBND cấp xã	
03	03	1.010091.000.00.00.H32	012.07.004	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Đê điều và Phòng, Chống thiên tai	UBND cấp xã	
04	04	1.010092.000.00.00.H32	012.07.005	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Đê điều và Phòng, Chống thiên tai	UBND cấp xã	
05	05	1.008004.000.00.00.H32	012.13.02	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt	UBND cấp xã	